

Bản án số: 95/2018/HS-PT
Ngày 04-7-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Dũng
Các Thẩm phán: Ông Tạ Quốc Việt
Ông Cao Minh Vỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bình – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Ngô Xuân Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 88/2018/HSPT ngày 07 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo Trần Thượng H và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 10/2018/HS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Thượng H (Đ), sinh năm 1997 tại Thái Nguyên; HKTT: Tổ 5 phường A, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; chỗ ở: 202 đường N, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn C, sinh năm 1965 và bà Quách Thị D, sinh năm 1966;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Văn L (H), sinh năm 1994 tại Thanh Hóa; HKTT: Xóm 10, thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở: 202 đường N, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn T, sinh năm 1962 và bà Phạm Thị N, sinh năm 1964; có vợ Nguyễn Thị H, sinh năm 1995 và 01 con sinh năm 2014;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Việt V, sinh năm 1994 tại Thái Nguyên; HKTT: Tổ 4 phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; chỗ ở: 202 đường N, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Việt H, sinh năm 1968 và bà Đoàn Thị H, sinh năm 1970; có vợ Nguyễn Thị T, sinh năm 1995 và có 02 con;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 05-5-2011 bị Công an thành phố Thái Nguyên xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi xâm hại đến sức khỏe người khác tại quyết định số 128/QĐ-XPHC.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

4. Tổng Ngọc Bảo L, sinh năm 1991 tại Thái Nguyên; HKTT: Tổ 3 phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; chỗ ở: 202 đường N, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Tổng Công T (đã chết) và bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1962;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra trong vụ án còn có bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo và không liên quan đến nội dung kháng cáo nên Tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thượng H, Phạm Văn L, Tổng Ngọc Bảo L có cho bà Trần Minh P vay tiền, bà P mượn nhiều lần tránh mặt không trả tiền theo thỏa thuận. Vào khoảng 10 giờ 00 phút ngày 30-12-2017, Tổng Ngọc Bảo L điều khiển xe SH biển số 20B1-430.68 chở Phạm Văn L, Nguyễn Việt V điều khiển xe Wave biển số 60B5-096.89 chở H đến nơi làm việc của bà P tại Trạm y tế thị trấn Đ, thuộc khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu để đòi nợ. Khi vào sân Trạm y tế gặp bà P, H có dùng lời lẽ thô tục chửi bà P và dùng tay tát vào mặt bà P một cái. Bà P bỏ đi lên phòng trực thì bị V dùng tay tát vào mặt bà P một cái. H, Phạm Văn L, V đi theo bà P lên phòng trực của bà P. Tại cửa phòng trực Phạm Văn L đã dùng tay tát vào mặt bà P một cái. Bà P gọi đến cho chồng là ông Nguyễn Gia T đến thanh toán tiền nợ cho nhóm của H. H yêu cầu bà P ra quán nước nói chuyện, bà P không đồng ý thì bị Phạm Văn L dùng tay đẩy phía sau lưng, H và V đi theo hai bên. Thấy bà P bị nhóm của H đưa đi xuống sân biết là bắt bà P nên Tổng Ngọc Bảo L điều khiển xe SH đến mục đích để chở bà P, nhưng bà P không đồng ý mà tiếp tục gọi điện cho chồng. Phạm Văn L và H ép buộc bà P lên xe Wave do V điều khiển, H ngồi phía sau chở đi, Tổng Ngọc Bảo L điều khiển xe SH chở Phạm Văn L. Trên đường đi bà P tiếp tục gọi điện thoại cho chồng. H lấy điện thoại nói chuyện với chồng bà P, yêu cầu phải đem 15.000.000đ đến trả nợ mới cho bà P về. Nhóm của H chở bà P vào quán cà phê Thanh Trúc thuộc ấp 2A, xã P, huyện X chở chồng bà P đem tiền đến. Khoảng 14 giờ 00 phút cùng ngày ông T (chồng bà P) đem 5.000.000đ đến khu Công viên Bờ Hồ đường V, thị trấn P, huyện X. Phạm Văn L và H đến nhận tiền sau đó để bà P ra về, khi ra về Phạm Văn L còn dậm vào chân bà P.

Theo giấy chứng nhận thương tích ngày 02-01-2018 của Trung tâm y tế huyện Đ, bà P bị chấn thương mắt (vùng dưới mắt trái) vết thương phần mềm trầy xước da (cẳng chân trái) nhưng không yêu cầu giám định.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 10/2018/HS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Thượng H (Đ), Phạm Văn L (H); Nguyễn Việt V và Tống Ngọc Bảo L phạm tội “Bắt người trái pháp luật”.

Áp dụng khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

-Xử phạt: Bị cáo Trần Thượng H (Đ) 08 (Tám) tháng tù, thời hạn tù được tính từ bị bắt để chấp hành án.

-Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn L (H) 07 (Bảy) tháng tù, thời hạn tù được tính từ bị bắt để chấp hành án.

-Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Việt V 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ bị bắt để chấp hành án.

-Xử phạt: Bị cáo Tống Ngọc Bảo L 05 (Năm) tháng tù, thời hạn tù được tính từ bị bắt để chấp hành án.

Ngoài ra bản án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 24-4-2018, các bị cáo Trần Thượng H, Phạm Văn L, Nguyễn Việt V và Tống Ngọc Bảo L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo với lý do mức án mà bản án sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là quá nặng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phát biểu quan điểm về vụ án: Bản án sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, mức án đã tuyên phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới để làm căn cứ xin giảm hình phạt và hưởng án treo. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã nêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Đơn kháng cáo của các bị cáo Trần Thượng H, Phạm Văn L; Nguyễn Việt V và Tống Ngọc Bảo L gửi trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] *Về tội danh và điều luật áp dụng*: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Xuất phát từ việc bị hại là bà P vay tiền của các bị cáo đến hạn không thanh toán, các bị cáo nảy sinh ý định bắt bị hại để buộc bị hại phải thanh toán tiền vay. Vào khoảng 10 giờ 00 phút ngày 30-12-2017 các bị cáo H, Phạm Văn L, V, Tống Ngọc Bảo L đến nơi làm việc của bị hại yêu cầu bị hại trả tiền vay, bị hại không có tiền trả nên các bị cáo cùng nhau thống nhất ép buộc bị hại phải đi theo các bị cáo. Bị cáo H, Phạm Văn L, V đã dùng vũ lực để uy hiếp, ép buộc bị hại lên xe để cho V chở đi. Các bị cáo không phải là người có thẩm quyền, không có chức năng hoạt động Nhà nước nhưng vì động cơ cá nhân mà các bị cáo đã thực hiện hành vi bắt bị hại trái pháp luật. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Trần Thượng H, Phạm Văn L, Nguyễn Việt V và Tống Ngọc Bảo L về tội “Bắt người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] *Về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của các bị cáo*:

Xét tính chất và mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội các bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền tự do của công dân. Các bị cáo vào nơi làm việc của bị hại là cơ quan Nhà nước để thực hiện việc bắt người khi bị hại đang làm việc tại cơ quan, thể hiện ý thức xem thường pháp luật, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần xét xử các bị cáo một mức án nghiêm là cần thiết. Xét Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội, xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ và xử phạt bị cáo H 8 tháng tù, Phạm Văn L 7 tháng tù, V 6 tháng tù và Tống Ngọc Bảo L 5 tháng tù là phù hợp, không nặng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không đưa ra chứng cứ hoặc tình tiết nào khác làm căn cứ xin giảm hình phạt và hưởng án treo. Vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện viện kiểm sát.

[4] *Về án phí hình sự phúc thẩm*: Do kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Thượng H, Phạm Văn L, Nguyễn Việt V và Tống Ngọc Bảo L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung

năm 2009; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thượng H (Đ) 08 (Tám) tháng tù, thời hạn tù được tính từ bị bắt để chấp hành án.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn L (H) 07 (Bảy) tháng tù, thời hạn tù được tính từ bị bắt để chấp hành án.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Việt V 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ bị bắt để chấp hành án.

Xử phạt: Bị cáo Tống Ngọc Bảo L 05 (Năm) tháng tù, thời hạn tù được tính từ bị bắt để chấp hành án.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 10/2018/HS-ST ngày 24-4-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- TAND H. Đ, tỉnh BR-VT;
- VKSND H. Đ, tỉnh BR-VT;
- Công an H. Đ, tỉnh BR-VT;
- Chi cục THADS H. Đ, tỉnh BR-VT;
- Bị cáo;
- Lưu: Tòa Hình sự, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Trung Dũng